

Họ và tên: _____

Lớp: _____ Ngày _____



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHIẾU ÔN TOÁN TUẦN 03



Phần 1. Trắc nghiệm

Nội dung cần nhớ trong tuần 3:

- Cộng, trừ phân số khác mẫu số
- Hỗn số

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Chọn hỗn số trong các đáp án sau:

A. 5

B. 3

C. $\frac{2}{3}$

D. $5\frac{2}{3}$

Câu 2: Hỗn số “mười bốn và ba mươi lăm phần bốn mươi tám” được viết là:

A. $14\frac{35}{48}$

B. $14\frac{30}{48}$

C. $48\frac{35}{14}$

D. $48\frac{30}{35}$

Câu 3: Tính rồi chọn kết quả đúng: $2\frac{5}{9} + 3\frac{2}{5}$

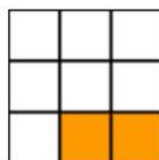
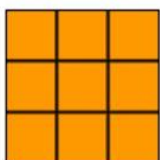
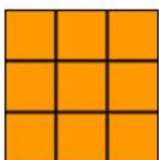
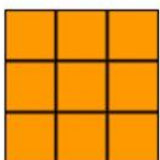
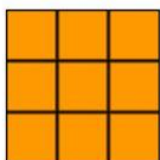
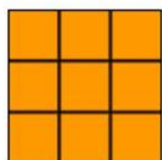
A. $\frac{23}{9}$

B. $\frac{17}{5}$

C. $\frac{268}{45}$

D. $\frac{245}{45}$

Câu 4: Hỗn số nào sau đây biểu diễn phần tô màu trong hình?



A. $5\frac{1}{9}$

B. $5\frac{2}{9}$

C. $6\frac{2}{9}$

D. $6\frac{1}{9}$



Câu 6: Tìm hỗn số biết phần nguyên của hỗn số là số chẵn nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau, phần tử số của phân số là số lẻ lớn nhất có một chữ số, phần mẫu số của phân số là số tròn chục bé nhất.

A. $10\frac{1}{10}$

B. $11\frac{9}{10}$

C. $22\frac{9}{10}$

D. $22\frac{10}{9}$

Câu 7: Chọn dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm: $5\frac{1}{2} + 1\frac{1}{8} \dots 2\frac{5}{9} + 2\frac{2}{7}$

A. >

B. <

C. =

Câu 8: Chuyển phân số sau thành hỗn số: $\frac{138}{12}$

A. $11\frac{6}{12}$

B. $11\frac{5}{12}$

C. $6\frac{11}{12}$

D. $12\frac{11}{6}$

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính



a) $2\frac{5}{6} + 3\frac{4}{9} = \dots\dots\dots$



b) $3\frac{5}{7} - 1\frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Chuyển các phân số sau thành hỗn số:

$\frac{11}{2} = \dots\dots\dots$

$\frac{34}{16} = \dots\dots\dots$

$\frac{58}{7} = \dots\dots\dots$

$\frac{138}{12} = \dots\dots\dots$



Bài 3. So sánh hai hỗn số:

a) $3\frac{7}{5}$ và $5\frac{2}{7}$

b) $5\frac{4}{3}$ và $6\frac{2}{7}$

c) $12\frac{2}{3}$ và $7\frac{9}{12}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tính:

$\frac{34}{100} - \frac{1}{4} =$



$\frac{11}{45} - \frac{1}{5} =$



So sánh $\frac{3}{4} + (\frac{5}{24} - \frac{1}{6})$ $\frac{5}{7} + \frac{7}{8}$

.....

.....



- + **Bài 5.** Mẹ làm 20 chiếc bánh rán rất ngon, trong đó có $\frac{2}{5}$ số bánh rán là bánh ngọt, $\frac{1}{4}$ số bánh rán là bánh mặn, số bánh rán còn lại là bánh vừng. Hỏi mẹ đã làm bao nhiêu chiếc bánh vừng.

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Bài 6.** Một cửa hàng buổi sáng bán được tổng $\frac{3}{17}$ số mét vải, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng $\frac{1}{34}$ tổng số mét vải. Hỏi số mét vải còn lại chiếm bao nhiêu phần tổng số mét vải của cửa hàng đó?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



ĐÁP ÁN PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN - TUẦN 3

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	D	A	C	B	B	C	B	A

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1: Tính

$$a) 2\frac{5}{6} + 3\frac{4}{9}$$

$$= \frac{17}{6} + \frac{31}{9}$$

$$= \frac{153}{54} + \frac{186}{54}$$

$$= \frac{339}{54}$$

$$b) 3\frac{5}{7} - 1\frac{2}{3}$$

$$= \frac{26}{7} - \frac{5}{3}$$

$$= \frac{78}{21} - \frac{35}{21}$$

$$= \frac{43}{21}$$

Bài 2:

Phân số $\frac{11}{2}$

Phép chia $11 : 2 = 5$ dư 1. Phân số $\frac{11}{2}$ được viết dưới dạng hỗn số là $5\frac{1}{2}$

Phân số $\frac{34}{16}$

Phép chia $34 : 16 = 2$ dư 2. Phân số $\frac{34}{16}$ được viết dưới dạng hỗn số là $2\frac{2}{16}$

Phân số $\frac{58}{7}$

Phép chia $58 : 7 = 8$ dư 2. Phân số $\frac{58}{7}$ được viết dưới dạng hỗn số là $8\frac{2}{7}$

Phân số $\frac{138}{12}$

Phép chia $138 : 12 = 11$ dư 6. Phân số $\frac{138}{12}$ được viết dưới dạng hỗn số là $11\frac{6}{12}$

Bài 3:

a, $3\frac{7}{5}$ và $5\frac{2}{7}$

Hỗn số $3\frac{7}{5}$ có phần nguyên bằng 3 và hỗn số $5\frac{2}{7}$ có phần nguyên bằng 5 .

Vì $3 < 5$ nên $3\frac{7}{5} < 5\frac{2}{7}$

b, $5\frac{4}{3}$ và $6\frac{2}{7}$

Hỗn số $5\frac{4}{3}$ có phần nguyên bằng 5 và hỗn số $6\frac{2}{7}$ có phần nguyên bằng 6

Vì $5 < 6$ nên $5\frac{4}{3} < 6\frac{2}{7}$

c, $12\frac{2}{3}$ và $7\frac{9}{12}$

Hỗn số $12\frac{2}{3}$ có phần nguyên bằng 12 và hỗn số $7\frac{9}{12}$ có phần nguyên bằng 7

Vì $12 > 7$ nên $12\frac{2}{3} > 7\frac{9}{12}$

Bài 4:

a, $\frac{34}{100} - \frac{1}{4}$

$= \frac{136}{400} - \frac{100}{400}$

$= \frac{36}{400} = \frac{9}{100}$

$\frac{11}{45} - \frac{1}{5}$

$= \frac{55}{225} - \frac{45}{225}$

$= \frac{10}{225} = \frac{2}{45}$

b, $\frac{3}{4} + (\frac{5}{24} - \frac{1}{6}) < \frac{5}{7} + \frac{7}{8}$

Bài 5:

Số chiếc bánh rán ngọt là:

$20 \times \frac{2}{5} = 8$ (chiếc)

Số chiếc bánh rán mặn là:

$$20 \times \frac{1}{4} = 5(\text{chiếc})$$

Số chiếc bánh rán vừng là:

$$20 - 8 - 5 = 7 (\text{chiếc})$$

Đáp số: 7 chiếc.

Bài 6:

Buổi chiều cửa hàng bán được số phần mét vải là:

$$\frac{3}{17} + \frac{1}{34} = \frac{7}{34} (\text{tổng số mét vải})$$

Cả ngày cửa hàng bán được số phần mét vải là:

$$\frac{7}{34} + \frac{3}{17} = \frac{13}{34} (\text{tổng số mét vải})$$

Cửa hàng còn lại số phần mét vải là:

$$1 - \frac{13}{34} = \frac{21}{34} (\text{tổng số mét vải})$$

Đáp số: $\frac{21}{34}$ tổng số mét vải